



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 36

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06 tháng 01 năm 2017 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2016 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 08.39540600
- Fax: (84) 08.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 37 người. Trong đó nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| | | Miễn nhiệm ngày 08/03/2016 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Trần Thị Mỹ | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2016 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2016 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| | | Miễn nhiệm ngày 08/03/2016 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

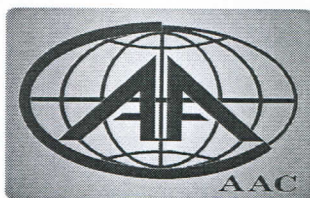
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.236.3655886; Fax: 84.236.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 226/2017/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10/03/2017, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Đỗ Thị Thanh Vân - Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		63.057.351.390	57.680.898.505
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	25.589.197.657	15.677.593.560
1. Tiền	111		5.179.197.657	3.627.593.560
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.410.000.000	12.050.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6.a	2.200.628.186	1.937.231.660
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.319.528.206	2.147.066.380
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(118.900.020)	(209.834.720)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.066.321.433	23.324.264.588
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	15.091.304.713	16.342.404.808
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.505.640.139	7.845.284.166
3. Các khoản phải thu khác	136	9.a	708.355.792	566.044.407
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.238.979.211)	(1.429.468.793)
IV. Hàng tồn kho	140	11	17.822.254.192	16.547.927.985
1. Hàng tồn kho	141		20.573.923.801	18.868.380.184
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.751.669.609)	(2.320.452.199)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		378.949.922	193.880.712
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	62.043.631	82.540.781
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	316.906.291	111.339.931
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			29.845.468.955	26.926.796.236
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	1.117.450.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	-	1.117.450.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.985.814.068	10.764.408.348
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	7.499.319.704	4.266.451.480
- Nguyên giá	222		14.274.690.414	9.400.363.689
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.775.370.710)	(5.133.912.209)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	6.486.494.364	6.497.956.868
- Nguyên giá	228		6.545.856.872	6.512.856.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.362.508)	(14.900.004)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	10.206.043.398	9.991.179.330
- Nguyên giá	231		10.438.812.805	10.438.812.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(232.769.407)	(447.633.475)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		500.384.111	3.037.559.656
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	500.384.111	3.037.559.656
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.840.000.000	840.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	2.840.000.000	840.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.313.227.378	1.176.198.902
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	1.107.791.866	423.033.094
2. Lợi thế thương mại	269		1.205.435.512	753.165.808
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		92.902.820.345	84.607.694.741

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C. Nợ phải trả	300		24.889.931.550	20.303.497.816
I. Nợ ngắn hạn	310		24.427.431.550	20.303.497.816
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	15.157.735.410	13.301.903.093
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	1.422.439.893	50.055.213
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	19	43.313.308	393.361.924
4. Phải trả người lao động	314		2.873.481.856	2.736.995.650
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	4.643.903.729	3.083.270.743
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.a	474.486.026	724.850.777
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.a	90.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(277.928.672)	13.060.416
II Nợ dài hạn	330		462.500.000	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	21.b	260.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22.b	202.500.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.012.888.795	64.304.196.925
I. Vốn chủ sở hữu	410		68.012.888.795	64.304.196.925
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	2.228.186.395	1.712.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	23	(679.873.904)	(2.035.282.090)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	5.088.022.015	4.894.634.920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	8.249.419.972	8.478.403.390
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.175.366.656	4.712.107.536
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.074.053.316	3.766.295.854
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		11.757.134.317	9.884.440.705
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		92.902.820.345	84.607.694.741



Tổng Giám đốc
Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	24	147.971.607.803	101.456.554.130
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	2.318.742.954	1.353.273.198
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		145.652.864.849	100.103.280.932
4. Giá vốn hàng bán	11	26	122.656.872.080	80.816.130.806
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		<u>22.995.992.769</u>	<u>19.287.150.126</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	1.395.546.483	1.277.123.329
7. Chi phí tài chính	22	28	(65.111.778)	132.735.711
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.822.922	350.000
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	29.a	9.021.120.406	7.735.638.864
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	9.897.143.347	8.219.050.487
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>5.538.387.277</u>	<u>4.476.848.393</u>
12. Thu nhập khác	31	30	10.820.400	16.556.342
13. Chi phí khác	32	31	62.972.810	288.163
14. Lợi nhuận khác	40		<u>(52.152.410)</u>	<u>16.268.179</u>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>5.486.234.867</u>	<u>4.493.116.572</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	1.126.559.102	1.151.198.866
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>4.359.675.765</u>	<u>3.341.917.706</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		4.121.436.744	3.766.295.854
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		238.239.021	(424.378.148)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.011	954
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	1.011	954



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.486.234.867	4.493.116.572
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	591.319.792	683.968.919
- Các khoản dự phòng	03	1.326.823.856	418.975.248
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.200.519.835)	(951.565.624)
- Chi phí lãi vay	06	25.822.922	350.000
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	6.229.681.602	4.644.845.115
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.966.903.424	8.711.191.526
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.009.624.389	5.812.721.148
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.622.891.329	(21.850.356.439)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(789.240.237)	(49.267.042)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(172.461.826)	(310.253.700)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(25.822.922)	(350.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.393.546.641)	(1.283.700.717)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(134.930.220)	(42.865.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.313.098.898	(4.368.035.109)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(199.554.952)	(3.404.595.507)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.591.768.884)	5.489.240.551
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.162.892.631	951.805.902
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.628.431.205)	3.036.450.946
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	1.870.846.404	-
2. Tiền trả lại VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(310.000.000)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	9.502.500.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.525.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.311.410.000)	(3.855.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.773.063.596)	(3.855.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	9.911.604.097	(5.187.184.163)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.677.593.560	20.864.777.723
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	25.589.197.657	15.677.593.560



Tổng Giám đốc
Nguyễn Tuấn Kiệt
Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06 tháng 01 năm 2017 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2016 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có 2 công ty con:

- Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long

Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Ngành nghề kinh doanh chính: phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 53,27%

- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 51,77%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	4

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	3

4.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%. Đối với lĩnh vực xuất bản: áp dụng thuế suất 10%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	737.357.970	349.490.446
Tiền gửi ngân hàng	4.441.839.687	3.278.103.114
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng	20.410.000.000	12.050.000.000
Cộng	25.589.197.657	15.677.593.560

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	2.319.528.206	2.228.290.000	(118.900.020)	2.147.066.380	1.983.499.960	(209.834.720)
+ Công ty CP Sách GD TP Hà Nội (EBS)	1.805.534.680	1.694.200.000	(111.334.680)	1.805.534.680	1.595.699.960	(209.834.720)
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Hà Nội (EID)	-	-	-	341.531.700	387.800.000	-
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	289.420.020	306.600.000	-	-	-	-
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	28.800.000	(7.565.340)	-	-	-
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	188.208.166	198.690.000	-	-	-	-
Cộng	2.319.528.206	2.228.290.000	(118.900.020)	2.147.066.380	1.983.499.960	(209.834.720)

Biến động trong năm

	Tăng trong năm		Giảm trong năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu	42.800	513.993.526	27.700	341.531.700
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	21.900	289.420.020	-	-
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Hà Nội (EID)	-	-	27.700	341.531.700
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	3.000	36.365.340	-	-
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	17.900	188.208.166	-	-
Cộng	42.800	513.993.526	27.700	341.531.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tình hình hoạt động	31/12/2016			01/01/2016				
		Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào đơn vị khác					2.840.000.000	-		840.000.000	-
- Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng (i)	Đang hoạt động	5,30%	5,30%	46.200	840.000.000	-	5,30%	840.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - TBTH Việt Nam (i)	Đang hoạt động		2%		2.000.000.000			-	-
Cộng					2.840.000.000	-		840.000.000	-

- (i) Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng, Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - TBTH Việt Nam và cổ phiếu của các Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Do đó, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Đắk Lắk	802.887.460	760.310.180
Ban Quản lý dự án Huyện Nhơn Trạch	-	731.623.048
Công ty TNHH SX-TM Thiết bị Vạn Lợi	-	1.630.000.000
Công ty TNHH MTV TMDV Thiên Long Hoàn Cầu	-	84.148.800
Công ty TNHH SX-TM Thiết bị Vạn Lợi	1.280.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học tỉnh Đắk Nông	1.113.142.622	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	1.335.785.442	-
Các đối tượng khác	10.559.489.189	13.136.322.780
Cộng	15.091.304.713	16.342.404.808

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	31/12/2016	01/01/2016
Phải thu		
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	304.108.115	-
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo dục tại Đà Nẵng	77.672.000	-
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	79.229.976	145.312.010
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	27.717.013	148.772.621
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	1.335.785.442	320.751.124
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	92.775.905	159.601.023
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	188.520.520	332.406.130
Các đối tượng khác	-	147.141
Cộng	2.105.808.971	1.106.990.049

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Thành Đạt	-	434.160.968
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	-	1.604.012.982
Công ty TNHH In và Thương mại Vĩnh Thành	3.357.678.381	4.978.307.557
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	717.396.856
Các đối tượng khác	147.961.758	111.405.803
Cộng	3.505.640.139	7.845.284.166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	67.996.648	-	30.369.444	-
Tạm ứng	355.009.056	-	98.298.963	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	254.430.648	-	359.076.000	-
Phải thu khác	30.919.440	-	78.300.000	-
Cộng	708.355.792	-	566.044.407	-

b. Dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	-	1.117.450.000	-
Cộng	-	-	1.117.450.000	-

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 3 năm trở lên	1.772.141.479	1.010.114.069
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	66.556.000	51.353.187
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	340.088.978
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	400.281.732	27.912.559
Cộng	2.238.979.211	1.429.468.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	25.143.769	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	453.719.267	-	392.656.806	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.877.405.187	-	2.711.009.855	-
Thành phẩm	7.130.518.197	2.472.790.553	9.256.351.943	2.126.846.471
Hàng hóa	11.087.137.381	278.879.056	6.508.361.580	193.605.728
Cộng	20.573.923.801	2.751.669.609	18.868.380.184	2.320.452.199

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2016 là 2.491.025.279 đồng.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	31.779.091	70.250.000
Chi phí bảo hiểm	30.264.540	12.290.781
Cộng	62.043.631	82.540.781

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	44.998.142	52.126.594
Trợ cấp thôi việc	67.353.000	-
Chi phí tổ chức bán thảo	995.440.724	357.926.500
Chi phí sửa chữa	-	12.980.000
Cộng	1.107.791.866	423.033.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	6.462.942.021	33.000.000	2.667.897.180	78.820.000	157.704.488	9.400.363.689
Tăng do hợp nhất	1.231.017.977	-	365.204.340	40.989.800	-	1.637.212.117
Mua sắm trong năm	-	57.782.720	-	-	-	57.782.720
Đ/tư XD/CB h/thành	3.179.331.888	-	-	-	-	3.179.331.888
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	10.873.291.886	90.782.720	3.033.101.520	160.799.600	157.704.488	14.274.690.414
Khấu hao						
Số đầu năm	3.529.649.950	17.720.002	1.550.412.396	26.273.330	9.856.531	5.133.912.209
Tăng do hợp nhất	527.491.185	-	365.204.340	40.989.800	-	933.685.325
Khấu hao trong năm	365.499.146	30.052.799	246.521.783	26.273.328	39.426.120	707.773.176
Trình bày lại	-	(13.136.667)	-	13.136.667	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	4.422.640.281	34.636.134	2.162.138.519	106.673.125	49.282.651	6.775.370.710
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2.933.292.071	15.279.998	1.117.484.784	52.546.670	147.847.957	4.266.451.480
Số cuối năm	6.450.651.605	56.146.586	870.963.001	54.126.475	108.421.837	7.499.319.704

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 3.238.433.251 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố bảo đảm nợ vay là 700.414.502 đồng

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.468.156.872	44.700.000	6.512.856.872
Tăng do hợp nhất	-	33.000.000	33.000.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	6.468.156.872	77.700.000	6.545.856.872
Khấu hao			
Số đầu năm	-	14.900.004	14.900.004
Tăng do hợp nhất	-	28.875.000	28.875.000
Khấu hao trong năm	-	15.587.504	15.587.504
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	59.362.508	59.362.508
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.468.156.872	29.799.996	6.497.956.868
Số cuối năm	6.468.156.872	18.337.492	6.486.494.364

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m². Mục đích sử dụng: dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Bất động sản đầu tư

Là quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/07/2062 tại thửa đất số 159, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 595,8 m². Công ty đang có kế hoạch chuyển nhượng quyền sử dụng đất này thay cho việc dự kiến xây dựng nhà kho như trước đây.

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
Xây dựng nhà 363 Hưng Phú	-	3.037.559.656
Dự án siêu thị sách (*)	287.846.100	-
Cửa hàng sách	212.538.011	-
Cộng	500.384.111	3.037.559.656

(*) Đây là các chi phí khảo sát, thiết kế, lập dự án siêu thị sách. Tuy nhiên, Dự án này đang tạm ngưng do chưa giải phóng được mặt bằng.

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	667.514.259	1.348.393.359
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	2.979.319.006	963.131.829
Trương Kim Oanh	841.000.000	802.000.000
Ngô Ngọc Nhị (Lâm Đồng)	694.125.000	682.425.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội	451.537.227	499.556.663
Công ty CP Đầu tư và Phát triển trường Phổ thông công nghệ giáo dục	-	280.738.760
Các đối tượng khác	9.524.239.918	8.725.657.482
Cộng	15.157.735.410	13.301.903.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	274.990.486	59.548.075
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	12.564.400	6.101.022
Công ty CP Sách Dân Tộc	274.860.613	412.474.453
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	135.469.390	228.106.170
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo dục Đà Nẵng	137.926.472	137.167.072
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	451.537.227	499.556.663
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo dục Gia Định	186.091.644	368.811.644
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo dục Hà Nội	667.514.259	1.348.393.359
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. HCM	237.493.284	122.166.830
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng		-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Bắc	50.991.460	271.539.290
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Nam	298.915.030	106.562.867
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	477.368.671	375.025.133
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	2.979.319.006	963.131.829
Các đối tượng khác	201.991.686	65.823.372
Cộng	6.387.033.628	4.964.407.779

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Công Nghệ Giáo Dục 3A	-	12.918.850
Phòng Giáo dục và Đào Tạo huyện Bến Lức	-	19.421.284
Các đối tượng khác	1.422.439.893	17.715.079
Cộng	1.422.439.893	50.055.213

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Tăng do hợp nhất	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải trả				Phải thu	Phải trả
Thuế GTGT	47.660.180		1.171.417.661	(4.223.317)	1.229.280.794	109.746.630	
Thuế thu nhập cá nhân		141.213.616	393.494.335	410.735	533.856.557		1.262.129
Thuế TNDN		188.468.557	1.126.559.102	(86.589.500)	1.393.546.641	165.108.482	
Tiền thuê nhà, thuê đất			86.680.188		86.680.188		
Các loại thuế khác			28.311.614		28.311.614		
Cộng	47.660.180	329.682.173	2.806.462.900	(90.402.082)	3.271.675.794	274.855.112	1.262.129

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí bản thảo, biên tập	3.155.248.305	2.139.794.948
Chi phí hoa hồng môi giới	1.263.499.664	814.623.992
Chi phí phải trả về tiền chiết khấu bán hàng	150.050.760	61.160.803
Chi phí thuê mặt bằng	8.400.000	-
Tiền ăn giữa ca	6.705.000	-
Chi phí khác	60.000.000	67.691.000
Cộng	4.643.903.729	3.083.270.743

21. Phải trả ngắn hạn khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	-	3.680.130
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	22.740.900	74.269.526
Cổ tức phải trả	2.203.500	2.203.500
Tài sản thừa chờ xử lý	27.729.126	21.547.621
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	78.000.000	-
Phải trả khác	343.812.500	623.150.000
Cộng	474.486.026	724.850.777

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	260.000.000	-
Cộng	260.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngân hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	-	135.000.000	135.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long		135.000.000	135.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	90.000.000	-	90.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	-	90.000.000		90.000.000
Cộng	-	225.000.000	135.000.000	90.000.000

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	-	382.500.000	90.000.000	292.500.000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	-	382.500.000	90.000.000	292.500.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	-	382.500.000	90.000.000	292.500.000
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-			90.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-			202.500.000

Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng tín dụng số 04/2015-HĐTDHM/NHCT800-CTCP SACH THIET BI VINH LONG ngày 01/04/2015 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ Ngày Giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 450.000.000 đồng được đảm bảo từ tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án: Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Vĩnh Long; Hạng mục: Xây dựng mới nhà làm việc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2015	41.370.000.000	1.712.000.000	(2.035.282.090)	4.894.634.920	8.567.707.536
Tăng trong năm	-	-	-	-	3.766.295.854
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.855.600.000
Số dư tại 31/12/2015	41.370.000.000	1.712.000.000	(2.035.282.090)	4.894.634.920	8.478.403.390
Số dư tại 01/01/2016	41.370.000.000	1.712.000.000	(2.035.282.090)	4.894.634.920	8.478.403.390
Điều chỉnh hợp nhất	-	748.177	-	7.480.039	12.116.767
Tăng trong năm	-	515.438.218	1.355.408.186	185.907.056	4.121.436.744
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.362.536.929
Số dư tại 31/12/2016	41.370.000.000	2.228.186.395	(679.873.904)	5.088.022.015	8.249.419.972

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV	6.320.000.000	6.320.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	34.110.000.000	32.236.000.000
Cổ đông khác	940.000.000	2.814.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ (*)		
Cộng	41.370.000.000	41.370.000.000

(*) Công ty bán cổ phiếu quỹ theo nghị quyết hội đồng quản trị số 484/NQHĐQT-SGD ngày 27/11/2015. Theo đó, số lượng đăng ký bán là 281.400 cổ phiếu. Thời gian thực hiện bán cổ phiếu quỹ từ ngày 04/01/2016 đến ngày 02/02/2016. Kết thúc thời gian thực hiện giao dịch, số lượng cổ phiếu quỹ được bán là 187.400 cổ phiếu và số lượng cổ phiếu quỹ hiện có là 94.000 cổ phiếu.

c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	281.400
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	281.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	3.855.600
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	3.855.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	8.478.403.390	8.567.707.536
Lợi nhuận sau thuế năm nay	4.121.436.744	3.766.295.854
Điều chỉnh do hợp nhất	12.116.767	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	4.315.153.501	3.855.600.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	185.712.580	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	86.440.921	-
- Trả cổ tức cho các cổ đông	4.043.000.000	3.855.600.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	47.383.428	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	194.476	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	47.188.952	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	8.249.419.972	8.478.403.390

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 103/NQ-SGD ngày 25/03/2016.

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	88.093.541.898	87.469.204.052
Doanh thu bán hàng hóa	57.872.964.585	13.456.016.406
Doanh thu dịch vụ	1.372.363.638	201.181.821
Doanh thu khác	632.737.682	330.151.851
Cộng	147.971.607.803	101.456.554.130

25. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016	Năm 2015
Hàng bán bị trả lại	322.883.217	773.449.560
Chiết khấu thương mại	1.995.859.737	579.823.638
	2.318.742.954	1.353.273.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	71.401.391.493	69.192.033.523
Giá vốn của hàng hóa	50.387.485.897	11.050.759.092
Giá vốn của dịch vụ	-	59.589.245
Giá vốn hoạt động khác	522.050.608	320.143.218
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	345.944.082	193.605.728
Cộng	122.656.872.080	80.816.130.806

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	983.689.835	797.425.624
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	216.830.000	154.140.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	121.806.248	325.557.705
Thu nhập từ đầu tư tài chính	73.220.400	-
Cộng	1.395.546.483	1.277.123.329

28. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Chiết khấu thanh toán	-	14.185.671
Trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(90.934.700)	118.200.040
Chi phí lãi vay	25.822.922	350.000
Cộng	(65.111.778)	132.735.711

29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
Tiền lương, các khoản trích theo lương	5.289.224.959	3.740.465.073
Chi phí vận chuyển	852.852.170	656.370.174
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	852.929.112	1.131.902.564
Các khoản khác	2.026.114.165	2.206.901.053
Cộng	9.021.120.406	7.735.638.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
Tiền lương	4.522.233.948	3.532.723.138
Khấu hao TSCĐ	102.235.373	115.788.119
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	616.775.080	500.484.436
Các khoản khác	4.655.898.946	4.070.054.794
Cộng	9.897.143.347	8.219.050.487

30. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Thu nhập từ bán phế liệu, công cụ dụng cụ	4.545.455	4.500.000
Cho thuê mặt bằng	-	11.000.000
Thu nhập khác	6.274.945	1.056.342
Cộng	10.820.400	16.556.342

31. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	59.647.337	-
Các khoản khác	3.325.473	288.163,00
Cộng	62.972.810	288.163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.486.234.867	4.493.116.572
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	344.740.441	739.605.544
- Các khoản điều chỉnh tăng	561.570.441	893.745.544
+ Lợi thế thương mại phân bổ	82.823.180	30.474.917
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	59.647.337	-
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	96.000.000	-
+ Các khoản khác	23.670.000	-
+ Lỗ tại công ty con	299.429.924	863.270.627
- Các khoản điều chỉnh giảm	216.830.000	154.140.000
+ Cổ tức được chia	216.830.000	154.140.000
+ Lãi tại Công ty con	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	5.830.975.308	5.232.722.116
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.126.559.102	1.151.198.866
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.079.289.006	1.151.198.866
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	47.270.096	-

33. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.121.436.744	3.766.295.854
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(47.188.952)	(86.440.921)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	47.188.952	86.440.921
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	4.074.247.792	3.679.854.933
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.031.401	3.855.600
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	1.011	954

34. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.975.349.358	12.493.426.926
Chi phí nhân công	9.869.478.769	7.274.917.427
Chi phí khấu hao tài sản cố định	508.496.612	653.494.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.203.279.153	12.518.938.266
Chi phí khác bằng tiền	5.208.772.571	7.265.142.299
Cộng	37.765.376.463	40.205.918.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

36. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học... , các Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	15.157.735.410	-	15.157.735.410
Chi phí phải trả	4.643.903.729	-	4.643.903.729
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	90.000.000	202.500.000	292.500.000
Phải trả khác	424.016.000	-	424.016.000
Cộng	20.315.655.139	202.500.000	20.518.155.139
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	13.301.903.093	-	13.301.903.093
Chi phí phải trả	3.083.270.743	-	3.083.270.743
Phải trả khác	625.353.500	-	625.353.500
Cộng	17.010.527.336	-	17.010.527.336

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	25.589.197.657	-	25.589.197.657
Phải thu khách hàng	12.852.325.502	-	12.852.325.502
Đầu tư tài chính	2.200.628.186	2.840.000.000	5.040.628.186
Phải thu khác	353.346.736	-	353.346.736
Cộng	40.995.498.081	2.840.000.000	43.835.498.081
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	15.677.593.560	-	15.677.593.560
Phải thu khách hàng	14.912.936.015	-	14.912.936.015
Đầu tư tài chính	1.937.231.660	2.840.000.000	4.777.231.660
Phải thu khác	467.745.444	1.117.450.000	1.585.195.444
Cộng	32.995.506.679	3.957.450.000	36.952.956.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán học và tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán tuổi thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
CN Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm

Công ty liên quan	Năm 2016	Năm 2015
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Sách Đại Học Dạy nghề	-	11.301.710
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	10.327.399.867	9.740.404.681
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục tại Đà Nẵng	215.580.000	203.898.000
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	1.081.600	32.463.200
Công ty Cổ phần Học Liệu (EMCO)	401.193.206	609.808.930
CN Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. Cần Thơ	23.240.100	83.709.350
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	48.766.572	32.111.220
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	917.968.025	584.270.277
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	223.060.586	177.879.570
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Trung	192.309.000	247.694.925
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	3.497.613.212	3.525.884.440
Công ty CP Sách Dịch Vụ Từ Điển Giáo Dục	-	23.463.000
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	3.073.167.717	5.254.021.170
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Đà Nẵng	229.383.880	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	411.722.320	695.584.505
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo Dục Bình Dương	697.966.090	654.684.815
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	415.990.515	551.790.533
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	4.218.969.684	1.732.954.089
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	395.549.898	414.957.422
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	677.546.980	839.526.738
Mua hàng		
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	3.281.296.080	3.197.244.000
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	55.997.098	76.194.622
Công ty CP Sách Dân Tộc	1.675.550.960	2.498.477.520
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	409.857.220	770.344.620
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Đà Nẵng	377.274.600	421.505.840
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội	2.851.980.564	490.566.376
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	3.790.766.249	7.223.889.400
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Gia Định	17.280.000	422.647.686
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	1.120.202.500	1.577.951.936
Công ty CP Mĩ Thuật Và Truyền Thông	379.250.564	315.353.266
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. HCM	1.018.975.654	1.831.677.405
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	143.062.500	194.250.000
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Bắc	758.097.280	891.802.990
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	271.745.167	2.275.962.900
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	3.175.831.574	5.103.700.365
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	3.900.536.750	4.895.973.010
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	14.594.000.314	6.486.052.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Các giao dịch khác

		Năm 2016	Năm 2015
Ban Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	634.830.000	1.065.385.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	156.100.000	224.000.000

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ 9%/cổ phiếu vào ngày 06/02/2017, thời gian thực hiện ngày 20/03/2017. Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

39. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc
Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai